TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày 09 - 02 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Đông

Ông Trần Đình Điệu

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2017/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức C, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1990 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 1, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đức C và bà Lê Thị T; tiền án: Bản án số 193 ngày 31/12/ 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xử 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp trị giá 1.210.000 đồng nhưng ngày 16/4/2015 C bị công an xã Chính Mỹ xử phạt hành chính 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản). Ra tù ngày 05/12/2016. Nộp án phí ngày 31/12/2015 (chưa xóa án tích); tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 209 ngày 28/9/2006 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử 06 năm tù về tội Hiếp dâm và Cướp tài sản, ra tù tháng 10/2010. Nộp án phí ngày 02/5/2007 (khi phạm tội bị cáo dưới 16 tuổi, được coi là không có án tích); bản án số 38 ngày 21/7/2017 Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bản án số 56 ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18

tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương bắt tạm giam từ ngày 30/3/2017, hiện đang thi hành án theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 92 ngày 20/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Trần Văn T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1990 tại Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11B/14 T, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; trú tại: Thôn 1, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị L; tiền án: Bản án số 08 ngày 21/01/2013 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử 06 năm 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, e khoản 2 Điều 138, ra tù ngày 02/12/2016 (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 38 ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương bắt tạm giam từ ngày 30/3/2017, hiện đang thi hành án theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 87 ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Đỗ Mạnh B, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

3. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn 7, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt

4. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

5. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn 9, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt

6. Anh Đặng Ngọc P, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 7, ngõ 15/152 C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền ăn tiêu Trần Văn T và Nguyễn Đức C bàn nhau đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền. T chuẩn bị 01 bộ vam phá khóa gồm 01 tay công, 02 đầu vam hình chữ L và thống nhất với C nếu xe mô tô là xe côn thì T đứng cảnh giới để C dùng vam phá khóa lấy xe, nếu xe ga thì C cảnh giới để T phá khóa lấy xe. Từ

tháng 01/2017 đến tháng 3/2017, bằng thủ đoạn trên C và T đã chiếm đoạt 06 xe mô tô trên địa bàn huyện Thủy Nguyên. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 19/01/2017, C điều khiển xe mô tô Wave màu sơn xanh, không đeo BKS của C chở T đi trộm cắp tài sản. Khi tới địa phận thuộc thôn Vối, xã Quảng Thanh, phát hiện có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu vàng-đen, BKS 15G1-300.42 dựng trước cửa nhà anh Đỗ Mạnh B, sinh năm 1980 ở Thôn V, xã Q, huyện T. Thấy xung quanh không có người, C dừng xe đứng ngoài đường cảnh giới để T xuống dùng vam phá ổ khóa điện của xe. Sau đó T điều khiển xe trộm cắp được cùng C đi về nhà T. Khoảng 18 giờ ngày 20/01/2017, C và T mang xe trộm cắp được tới khu vực cầu Quán Toan, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bán cho một người tên là Bờm (không xác định được tên họ thật, địa chỉ) được 3.000.000 đồng và chia đều cho mỗi người 1.500.000 đồng. Ngày 26/5/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu sơn vàng-đen, BKS 15G1-300.42 của anh Đỗ Mạnh B trị giá 13.000.000 đồng. Trong giai đoạn điều tra gia đình bị cáo Nguyễn Đức C đã bồi thường cho anh Đỗ Mạnh B 5.000.000 đồng. Anh B đề nghị C, T bồi thường số tiền còn lại là 8.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 01/02/2017, C điều khiển xe Ware màu sơn xanh, không BKS của C, chở T đi trộm cắp tài sản. Khi tới khu vực chợ Tổng, xã Lưu Kiếm thấy một xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu sơn đen-trắng, BKS 15G1-104.05 của anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1992 ở thôn chợ T, xã L, huyện T dựng trước cửa hàng bán gas Trường Giang của gia đình, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. Thấy xung quanh vắng người, C dừng xe đỗ bên đường cảnh giới còn T tới cạnh chiếc xe và nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. Khi chạy về tới nhà T, kiểm tra trong cốp xe có túi da đựng đồ, 01 kìm, 01 tô vít, một số hóa đơn bán gas, T đã vứt xuống sông ở cống V, xã P, huyện T. Xe mô tô trộm cắp được, C đã đưa T 1.500.000 đồng để C sử dụng xe đó. Ngày 20/3/2017 C dùng xe mô tô BKS 15G1-104.05 chở T sang huyện Kinh Môn tỉnh Hải Dương trộm cắp tài sản thì bị công an thu giữ. Ngày 26/5/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu sơn đen-trắng, BKS 15G1-104.05 của anh Đỗ Hữu T trị giá 7.000.000 đồng; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên đã trả lại xe cho anh Đỗ Hữu T, anh T nhận xe và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Vụ thứ ba: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 07/02/2017, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu sơn đen-trắng BKS 15G1-104.05 chở T đi trộm cắp tài sản. Khi đi qua khu vực xã An Sơn phát hiện có một xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh-trắng, BKS 15G1-300.29 của anh Phạm Văn N, sinh năm 1993, ở thôn 7, xã A, huyện T, dựng ở lán nhà, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khóa điện. C dừng xe và

đi vào dắt xe trên ra ngoài rồi nổ máy, còn T điều khiển xe chạy theo về nhà T. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 08/02/2017, C và T mang xe tới khu vực gần cầu Quán Toan, thuộc quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bán cho người tên Bờm được 8.000.000 đồng. C và T chia mỗi người 4.000.000 đồng ăn tiêu hết. Ngày 26/5/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh-trắng, BKS 15G1-300.29 của anh N trị giá 30.000.000 đồng. Gia đình bị cáo Nguyễn Đức C đã bồi thường cho anh Phạm Văn N 5.000.000 đồng. Anh N đề nghị C, T bồi thường số tiền còn lại là 25.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 16 giờ, ngày 16/02/2017, C điều khiển xe Sirius BKS 15G1-104.05 chở T đi lang thang với mục đích trộm cắp. Khi đi đến đường bê tông nội đồng thuộc thôn Trà Sơn, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade BKS 15G1-354.15, màu sơn vàng-đen của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983, ở thôn T, xã K, huyện T dựng ở trên đường bê tông nội đồng cách ao cá của gia đình chị khoảng 10m, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện của xe. T bảo C đỗ xe lại. T đi đến chiếc xe Airblade, ngồi lên xe nổ máy, điều khiển đi về hướng đình Trà Sơn, xã Kênh Giang. C điều khiển xe Sirius đi theo. Chị M đang ở dưới ao nghe tiếng xe nổ máy, phát hiện xe mô tô của mình bị trộm cắp đã tri hô và đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi lấy được xe, C và T đi về cầu xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên kiểm tra cốp xe có 01 ví nữ màu hồng, bên trong để 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Hoàng Văn H (chồng chị M) và 80.000 đồng. T lấy số tiền trên và vứt ví đựng giấy tờ xuống sông, rồi cùng C đi xe máy trộm cắp được về nhà mình cất giấu. Ngày 17/02/2017 C, T điều khiển xe mô tô trộm cắp được sang khu vực gần cầu Quán Toan bán cho một người đàn ông không quen biết được 8.000.000 đồng. T và C chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng ăn tiêu hết. Ngày 15/3/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn vàng-đen, BKS 15G1-354.15 của chị Mai trị giá 35.000.000 đồng. Trong giai đoạn điều tra gia đình bị cáo C đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị M 5.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị M đề nghị C, T bồi thường số tiền còn lại là 30.000.000 đồng, chị không yêu cầu bồi thường ví, thẻ căn cước, giấy phép lái xe đã bị T vứt xuống sông.

Vụ thứ năm: Khoảng 15 giờ 26/02/2017, C điều khiển xe mô tô Sirius BKS 15G1-104.05 chở T đi với mục đích trộm cắp tài sản. Khi tới cánh đồng thuộc thôn 9, xã Kỳ Sơn phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu sơn trắng-xanh, BKS 16N6-9100 của chị Bùi Thị T, sinh năm 1995 ở thôn 9, xã K dựng ở bên đường, khóa xe vẫn cắm tại ổ khóa điện. C điều khiển xe tới gần xe mô tô trên, T đến nổ máy rồi cả hai chạy quay lại hướng đường cũ, về nhà T. Tại đây, T, kiểm tra cốp xe thấy có 01 ví nữ bằng da màu hồng, bên trong có 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe tên Nguyễn Thị Ngọc A và 50.000 đồng. Chiếc ví và giấy

phép lái xe T đã vứt xuống sông khu vực cầu Kiền. Khoảng 17 giờ cùng ngày, C và T điều khiển xe vừa trộm cắp được sang quán cầm đồ Thắng Lợi ở thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương do anh Đặng Tuấn T, sinh năm 1992, ở số 199 Q, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng làm chủ, cầm xe được 7.600.000 đồng. Khi cầm xe, T nói đây là xe của gia đình và sử dụng chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Minh T do T nhặt được trên đường trước đó, lợi dụng phần ảnh của chứng minh nhân dân đã bị mờ nên T giả mạo để cầm xe mô tô. Thấy có chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe nên anh T tin tưởng và cầm cố tài sản. C và T chia nhau mỗi người được 3.800.000 đồng ăn tiêu hết. Ngày 05/6/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu xanh trắng, BKS 16N6-9100 của chị T trị giá 8.000.000 đồng. Sau khi biết được chiếc xe mô tô trên là do trộm cắp mà có, anh Đặng Tuấn T đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius BKS 16N6-9100, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Ngọc A và không yêu cầu C, T phải bồi thường số tiền anh đã cầm xe. Cơ quan điều tra đã trả lại xe, giấy đăng ký xe cho chị Bùi Thị T. Chị T nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm. Chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Minh T, anh T khai đã làm mất, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Vụ thứ sáu: Khoảng 14 giờ ngày 16/3/2017, C điều khiển xe Sirius BKS 15G1-104.05 chở T đi trộm cắp tài sản. Khi tới khu vực thuộc thôn 8, xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thấy ở cửa quán uốn mi nghệ thuật Vân Anh do chị Lê Vân A, sinh năm 1993, ở thôn 11 xã T, huyện T là chủ, có một xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh-trắng, BKS 15B1-602.84 của anh Đặng Ngọc P, sinh năm 1983, ở D, quận L, thành phố Hải Phòng, dựng ở trước cửa quán, chìa khóa vẫn cắm trong ổ điện. Thấy xung quanh vắng người, T bảo C dừng xe lại ven đường, C xuống dắt xe ra ngoài đường, nổ máy đi về nhà T và tháo biển kiểm soát. Khoảng 18 giờ ngày 17/3/2017, C và T điều khiển chiếc xe đó tới khu vực cầu gần ngã tư Quán Toan bán cho Bờm được 8.000.000. C và T chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng ăn tiêu hết. Ngày 26/5/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thủy Nguyên kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn xanh-trắng, BKS 15B1-602.84 của anh Đặng Ngọc P trị giá 20.000.000 đồng; Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho anh Đặng Ngọc P 5.000.000 đồng. Anh P đề nghị C, T bồi thường số tiền còn lại là 15.000.000 đồng.

Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 06 tháng 12 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức C, Trần Văn T đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Trong vụ án này, tài liệu điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng tên Bờm. Cơ quan điều tra tách ra điều tra, xử lý sau.

Đối với anh Đặng Tuấn T là người đã nhận cầm chiếc xe mô tô BKS 16N6-9100 của C và T, nhưng anh Tú không biết đó là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Các người bị hại là anh Đỗ Mạnh B, anh Đỗ Hữu T, chị Nguyễn Thị M, chị Bùi Thị T, anh Đặng Ngọc P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa. Các người bị hại đề nghị bị cáo T, C bồi thường nốt số tiền trị giá tài sản đã bị các bị cáo trộm cắp, cụ thể: Anh B đề nghị bồi thường tiếp 8.000.000 đồng; chị M đề nghị bồi thường tiếp 30.000.000 đồng; anh Pg đề nghị bồi thường tiếp 15.000.000 đồng và các người bị hại đề nghị xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Người bị hại là anh Phạm Văn N có mặt tại phiên tòa, anh N không đề nghị các bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại đồng thời đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức C, Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015); điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 05 năm tù đến 06 năm tù và tổng hợp hình phạt C buộc bị cáo phải thi hành.

+ Điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015); điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù và tổng hợp hình phạt C buộc bị cáo phải thi hành.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; biện pháp tư pháp: Không có; về dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Đức C liên đới bồi thường cho các người bị hại; xử lý vật chứng: Trả cho anh Đặng Ngọc Phương 01 BKS số 15B1-602.84; buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C, mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 7.800.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Ý kiến của bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố là đúng; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội quy định trong trường hợp này vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 để giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Do không có tiền ăn tiêu nên Trần Văn T, Nguyễn Đức C đã bàn nhau đi trộm cắp. Cụ thể trong khoảng thời gian từ tháng 1/2017 đến tháng 3/2017 các bị cáo T, C đã dùng thủ đoạn lén lút trộm cắp và chiếm đoạt 06 xe mô tô của các người bị hại là anh Đỗ Mạnh Biển, anh Đỗ Hữu Trường, anh Phạm Văn Nam, chị Nguyễn Thị Mai, chị Bùi Thị Thường, anh Đặng Ngọc Phương với tổng giá trị là 113.000.000 đồng. Do đó hành vi phạm tội này của các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Trong khoảng thời gian ngắn từ tháng 1/2017 đến tháng 7/2017 các bị cáo C, T đã liên tiếp nhiều lần phạm tội, thực hiện 06 vụ trộm cắp, chiếm đoạt 06 xe mô tô của các người bị hại, trong đó trị giá mỗi lần trộm cắp đều từ 2.000.000 đồng trở lên. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 113.000.000 đồng, như vậy hành vi phạm tội của các bị cáo phải chịu hai tình tiết định khung là "có tính chất chuyên nghiệp" và "chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng" quy định tại điểm b,e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên kết luận tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nhân thân các bị cáo T, C đều có một tiền án chưa được xóa án tích, do đó lần phạm tội này các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng là "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người bị hại Phạm Văn Nam tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo, đó là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ

luật Hình sự năm 1999 cần áp dụng cho cả hai bị cáo C, T. Sau khi bị công an thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương bắt quả tang về hành vi trộm cắp tài sản các bị cáo đã khai nhận 06 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Việc các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội khi chưa bị Công an huyện Thủy Nguyên phát hiện được coi là tự thú, do vậy các bị cáo C, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo C đã tác động gia đình tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho các người bị hại nên bị cáo C được xem xét áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo, hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo vừa đi chấp hành hình phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản" về, chưa được xóa án tích thì các bị cáo lại tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản" chứng tỏ các bị cáo không có ý thức cải tạo, tu dưỡng để trở thành người công dân lương thiện nên cần xử các bị cáo mức án cao trong khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa C. Trong vụ án này hội đồng xét xử đánh giá vai trò của các bị cáo cơ bản là ngang nhau, nhưng bị cáo C có nhiều hơn bị cáo T một tình tiết giảm nhẹ nên có thể xem xét xử bị cáo C mức án thấp hơn so với bị cáo T là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về dân sự: Các người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện:

Anh Đỗ Mạnh B bị các bị cáo T, C chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 15G1-300.42 trị giá 13.000.000 đồng. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho anh 5.000.000 đồng, còn 8.000.000 đồng anh đề nghị các bị cáo tiếp tục bồi thường.

Anh Đỗ Hữu T bị các bị cáo T, C chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 15G1-104.05 trị giá 7.000.000 đồng. Anh đã nhận lại được xe và không còn đề nghị nào khác về phần dân sự.

Chị Nguyễn Thị M bị các bị cáo T, C chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 15G1-345.15 trị giá 35.000.000 đồng. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho chị 5.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng chị đề nghị các bị cáo tiếp tục bồi thường.

Chị Bùi Thị T bị các bị cáo T, C chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 15N6-9100 trị giá 8.000.000 đồng. Chị đã nhận lại xe và không còn đề nghị nào khác về phần dân sự.

Anh Đặng Ngọc P bị các bị cáo T, C chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 15B1-602.84 trị giá 20.000.000 đồng. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho anh 5.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng anh đề nghị các bị cáo tiếp tục bồi thường.

Xét yêu cầu của các người bị hại là hợp pháp và tại phiên tòa các bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các người bị hại nên cần chấp nhận. Phần bồi thường của bị cáo Nguyễn Đức C được trừ đi phần gia đình bị cáo đã bồi thường cho các người bị hại.

Anh Phạm Văn N có mặt tại phiên tòa, anh Nam khai bị các bị cáo T, C chiếm đoạt 01 xe mô tô BKS 15G1-300.29 trị giá 30.000.000 đồng. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho anh 5.000.000 đồng, còn 25.000.000 đồng anh không đề nghị các bị cáo phải bồi thường.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 biển kiểm sát số 15B1-602.84 cần giao cho Cơ quan công an huyện Thủy Nguyên xử lý theo thẩm quyền.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; điểm b, e khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (thêm điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Đức C);

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt:

1. Trần Văn T : 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù tại bản án số 38/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt C là 07 (bẩy) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2017.

2. Nguyễn Đức C: 04 năm 03 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 27 tháng tù tại bản án số 38/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 56/HSST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt C là 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2017.

*Về dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584; 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C phải liên đới bồi thường cho người bị hại, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho anh Đỗ Mạnh Biển số tiền 13.000.000 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo T, C phải bồi thường 6.500.000 đồng. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho anh Biển số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo C còn phải bồi thường cho anh Biển số tiền 1.500.000 đồng.

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị M số tiền 35.000.000 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo T, C phải bồi thường cho chị M số tiền 17.500.000 đồng. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho chị M 05.000.000 đồng, bị cáo C còn phải bồi thường cho chị M số tiền 12.500.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Đặng Ngọc P số tiền 20.000.000 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo T, C phải bồi thường cho anh P số tiền 10.000.000 đồng. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho anh P 5.000.000 đồng, bị cáo C còn phải bồi thường cho anh P số tiền 05.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự năm 2015 .

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự ; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xử:

- Giao cho cơ quan Công an huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử lý theo thẩm quyền 01 biển kiểm sát xe mô tô số 15B1-602.84.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng)

- Buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C mỗi bị cáo phải nộp lại 7.800.000 đồng là tiền thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C chưa thi hành xong khoản tiền nộp lại ngân sách Nhà nước thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn

Đức C phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 950.000 (Chín trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Phù Ninh;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Đông – Trần Đình Điệu	**Khúc Trọng Quang**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thủy Nguyên, ngày 09 tháng 02 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày 09 tháng 02 năm 2018;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Điệu

Ông Nguyễn Văn Đông

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 124/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức C, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1990 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 1, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

2. Trần Văn T, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1990 tại Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11B/14 Thượng Lý, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; trú tại: Thôn 1, xã Phù Ninh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điêu tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về căn cứ kết tội bị cáo: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C đồng phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Kết quả biểu quyết 3/3.

Về điều luật áp dụng: Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; điểm b, e khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 51, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (thêm điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Đức C).

Kết quả biểu quyết 3/3.

4.Về mức hình phạt và dân sự:

- Trần Văn T : 04 năm 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù tại bản án số 38/2017/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt C là 07 (bẩy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2017.

- Nguyễn Đức C: 04 năm 03 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 27 tháng tù tại bản án số 38/HSST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 56/HSST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh buộc bị cáo phải chấp hành

hình phạt C là 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/3/2017.

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584,589 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C phải liên đới bồi thường cho người bị hại, cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho anh Đỗ Mạnh Biển số tiền 13.000.000 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo T, C phải bồi thường 6.500.000 đồng. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho anh Biển số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo C còn phải bồi thường cho anh Biển số tiền 1.500.000 đồng.

+ Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Mai số tiền 35.000.000 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo T, C phải bồi thường cho chị Mai số tiền 17.500.000 đồng. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho chị Mai 05.000.000 đồng, bị cáo C còn phải bồi thường cho chị Mai số tiền 12.500.000 đồng.

+ Bồi thường cho anh Đặng Ngọc Phương số tiền 20.000.000 đồng, chia kỷ phần mỗi bị cáo T, C phải bồi thường cho anh Phương số tiền 10.000.000 đồng. Gia đình bị cáo C đã bồi thường cho anh Phương 5.000.000 đồng, bị cáo C còn phải bồi thường cho anh Phương số tiền 05.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự năm 2015 .

Kết quả biểu quyết 3/3.

5. Các bị cáo không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

Kết quả biểu quyết 3/3

6. Về án phí, xử lý vật chứng:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Giao cho cơ quan Công an huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử lý theo thẩm quyền 01 biển kiểm sát xe mô tô số 15B1-602.84.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng)

- Buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C mỗi bị cáo phải nộp lại 4.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính để nộp ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức C chưa thi hành xong khoản

tiền nộp lại ngân sách Nhà nước thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự năm 2015

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội; Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.700.000 (Một triệu bảy trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Đức C phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 950.000 (Chín trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

7. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

8. Kiến nghị, phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Đông – Trần Đình Điệu	**Khúc Trọng Quang**

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Thiên Hương;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang